

Số: 1758/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Điền,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2035, định hướng đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng 2014 đã được hợp nhất tại văn bản số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ đã được hợp nhất tại văn bản số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2035, định hướng đến năm 2040; Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 31/10/2018;

Căn cứ Thông báo số 315/TB-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Nguyễn Văn Thọ - Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp Thường trực UBND tỉnh thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ văn bản số 2677/BXD-QHKT ngày 04/6/2020 của Bộ Xây dựng ý kiến về nội dung đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xét đề nghị của UBND huyện Long Điền tại Tờ trình số 4719/TTr-UBND ngày 17/6/2020 và đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 90./BC-SXD ngày 25./6/2020 về việc thẩm định đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2035, định hướng đến năm 2040,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2035, định hướng đến năm 2040 với các nội dung

chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2035, định hướng đến năm 2040.

2. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Long Điền hiện hữu, có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp huyện Đất Đỏ;
- Phía Tây: Giáp thành phố Vũng Tàu và thành phố Bà Rịa;
- Phía Nam: Giáp Biển Đông;
- Phía Bắc: Giáp thành phố Bà Rịa.

3. Quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch

- Quy mô diện tích: 7.761,19 ha.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/25.000.

4. Tính chất, chức năng

- Là huyện mạnh về du lịch, dịch vụ; đánh bắt, chế biến thủy, hải sản gắn với phát triển các khu công nghiệp, sản xuất và chế biến các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao và bền vững;

- Là huyện nằm trong vùng đô thị hóa, có tỷ lệ đô thị hóa cao;
- Là vùng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng phía Đông Nam tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Các dự báo phát triển vùng

5.1. Dự báo phát triển kinh tế:

Cơ cấu kinh tế huyện Long Điền chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, nông lâm thủy sản. Trong đó, chú trọng phát triển TM-DV-DL: phát triển các không gian dịch vụ du lịch biển, du lịch sinh thái gắn với các vùng cảnh quan tự nhiên, các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hệ thống chợ xã, đáp ứng yêu cầu trao đổi hàng hóa và dịch vụ chất lượng cao, đóng vai trò là mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế.

Bảng 1. Dự báo cơ cấu kinh tế huyện Long Điền đến năm 2030 (giai đoạn dự báo tính theo 5 năm, 10 năm)

Stt	Hạng mục	Cơ cấu (%)		
		Hiện nay	2020	2030
1	Nông nghiệp	10,00	10,00	8,00
2	Công nghiệp – Xây dựng	28,30	32,00	30,00
3	Thương mại – dịch vụ – du lịch	61,70	58,00	60,00

5.2. Dự báo dân số, tỷ lệ đô thị hóa:

Dự báo dân số và tỷ lệ đô thị hóa huyện Long Điền tuân thủ định hướng phát tại Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã phê duyệt trên cơ sở xem xét hiện trạng dân số và phát triển đô thị của huyện Long Điền (*nhu cầu lao động, nguồn du khách quy đổi,...*).

Bảng 2. Dự báo dân số đến năm 2030, định hướng đến năm 2040

STT	Đơn vị hành chính	Dân số	Dân số 2030	Dân số 2040
		(người)	(2,5 - 3,0%)	(2,5 - 3,0%)
	TOÀN HUYỆN	136.962	214.000	300.000
A	Dân số đô thị	59.638		
1	TT Long Điền	20.668	26.700	44.200
2	TT Long Hải	38.950	57.200	71.800
B	Dân số nông thôn và đô thị hóa	77.324		
3	Xã An Ngãi *	8.914	10.600	22.700
4	Xã Phước Hưng*	27.394	34.000	45.300
5	Xã Phước Tỉnh*	30.616	40.300	51.400
6	Xã An Nhứt**	4.095	5.600	7.500
7	Xã Tam Phước **	7.025	8.600	11.500
C	dân số đô thị do tăng trưởng từ nội lực		183.000	254.400
D	Dân số đô thị tăng cơ học được quy đổi từ di chuyển ngư trường và dẫn dân từ Tp. Bà Rịa và Tp. Vũng Tàu và các yếu tố khác như thu hút dịch vụ từ BĐS du lịch		31000	45.600
	(*) các xã đô thị hóa và trở thành đô thị đến năm 2030			
	(**) các xã đô thị hóa giai đoạn sau 2030 và đến năm 2040			

Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 75 – 77%; đến năm 2040, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 75 – 80%.

5.3. Dự báo về lao động

Bảng 3. Dự báo lao động và cơ cấu lao động đến năm 2040

Năm	2030	2040
Dân số (người)	214.000	300.000
Tỷ lệ lao động/dân số	60% (128.000)	55% (165.000)
Lao động nông nghiệp	12% (15.360)	10% (16.500)
Lao động phi nông nghiệp	88% (112.640)	90% (148.500)

5.4. Dự báo nhu cầu đất xây dựng và di dân dân cư nông thôn:

Bảng 4. Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị và điểm dân cư nông thôn huyện Long Điền đến năm 2030, định hướng đến năm 2040

Năm	2030	2040
Đất xây dựng đô thị (ha)	2896,84	3091,33
Đất xây dựng khu dân cư nông thôn (ha)	242,47	303,52

5.5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu khác

Bảng 5: Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

Số TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Năm tính	
			2030	2040
1	Giao thông:			
	Khu vực đô thị			
	- Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới $\geq 11.5m$)	km/km ²	≥ 6	≥ 8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 11	≥ 16
	- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	≥ 5	≥ 7
	- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 1	≥ 2
	- Khu vực nông thôn			
	- Đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn	cấp	$\geq VI$ (mặt đường $\geq 3.5m$, nền đường $\geq 6.5m$)	$\geq VI$ (mặt đường $\geq 3.5m$, nền đường $\geq 6.5m$)
2	Cấp nước:			
	100 % dân cư được cấp nước sạch hợp vệ sinh trong đó:			
	- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	L/ng/ngày	≥ 100	≥ 120
	- Tỷ lệ cấp nước	%	100	100
	- Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn (tập trung)	L/ng/ngày	≥ 80	≥ 80
	- Tỷ lệ cấp nước	%	70	80
	- Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	m ³ /ha	35	35
3	Thoát nước bản, quản lý CTR và nghĩa trang:			
	- Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	80%	80%
	- Tiêu chuẩn nước thải CN (80% nước cấp)	m ³ /ha	80%	80%
4	Cấp điện:			
	- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho đô thị	KW/ng/năm	400	1.000
		KW/ng/năm	240	600

- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho nông thôn			
- Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp	KW/ha	50-350	50-350
- Tiêu chuẩn cấp điện TT công nghiệp	KW/ha	120-140	120-140

6. Định hướng phát triển không gian vùng

6.1. Mô hình phát triển

- Mô hình chọn để phát triển là hai trung tâm chính đô thị Long Điền và Long Hải, kết nối bởi tuyến tỉnh lộ 44A qua xã Phước Hưng và xã An Ngãi.

- Hình thành hai trung tâm, liên kết nhau bằng phát triển đô thị và hỗ trợ trong sự phát triển.

6.2. Phân vùng phát triển kinh tế:

Toàn huyện được chia thành 06 phân vùng phát triển kinh tế dựa trên hiện trạng tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế và tiềm năng của từng phân vùng.

Bảng 6. Thống kê các phân vùng phát triển huyện Long Điền

STT	Phân vùng	Quy mô (ha)	Vị trí	Động lực phát triển
1	Phân vùng phát triển đô thị dịch vụ, trung tâm hành chính – chính trị của huyện	1060	Gồm thị trấn Long Điền và một phần xã An Ngãi	- Thị trấn Long Điền là huyện lỵ, là Trung tâm Hành chính Chính trị của huyện.
2	Phân vùng đô thị dịch vụ, du lịch có chức năng và tính chất gắn với thành phố Vũng Tàu và đặc điểm của vùng biển	2.327	Gồm thị trấn Long Hải, xã Phước Tỉnh và xã Phước Hưng	- Phát triển các dịch vụ du lịch, có chức năng, tính chất gắn liền với thành phố Vũng Tàu và đặc điểm của vùng biển; phát triển nghề cá, phân phối hải sản cho 1 phần khu vực
3	Phân vùng phát triển liên kết thị trấn Long Điền và Long Hải, công nghiệp phục vụ đô thị	860	Gồm một phần xã An Ngãi dọc tỉnh lộ 44A	- Phát triển công nghiệp phục vụ đô thị.
4	Phân vùng phát triển đô thị sinh thái	1.076,19	Gồm một phần thị trấn Long Điền và một	- Tận dụng sinh thái, cảnh quan ngập mặn phát triển các loại hình du lịch sinh

STT	Phân vùng	Quy mô (ha)	Vị trí	Động lực phát triển
			phần xã An Ngãi	thái - đô thị nghỉ dưỡng kết hợp vui chơi giải trí
5	Phân vùng nông nghiệp chất lượng cao	1.238	Xã Tam phước	Khu vực nông thôn gắn liền cây xanh cảnh quan, cảnh quan rừng phòng hộ
6	Phân vùng chuyên canh nông nghiệp đô thị và nông nghiệp chất lượng cao phục vụ du lịch	1200	Xã An Nhứt và một phần thị trấn Long Điền	Cánh đồng lúa An Nhứt và Long Điền; dự trữ đất phát triển đô thị

6.3. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn

Đến năm 2030, định hướng đến năm 2040, huyện Long Điền là đô thị loại III, có 05 khu đô thị và 02 xã nông thôn mới.

a. Khu số 1: Khu đô thị trung tâm hành chính Long Điền

- Tính chất và chức năng: là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, dịch vụ, đầu mối giao thông của đô thị Long Điền;

- Diện tích khoảng 1.431 ha;

- Dân số: 34,2 – 44,2 nghìn người;

- Phạm vi: Toàn bộ thị trấn Long Điền hiện nay;

- Định hướng phát triển: Tổ chức quảng trường trung tâm đối diện khu trung tâm hành chính mới các khu trung tâm thương mại, trung tâm TDTT cấp đô thị, đáp ứng nhu cầu TDTT cho người dân trong huyện;

- Đối với khu vực phía Tây Nam TL44A là khu trũng ngập nước, có cảnh quan đẹp cần ưu tiên phát triển khu đô thị gắn với các hoạt động du lịch sinh thái, trải nghiệm mật độ xây dựng thấp và bảo tồn cảnh quan đặc trưng cho tiểu vùng.

b. Khu số 2: Khu đô thị Long Hải

- Tính chất: Là khu đô thị chuyên biệt, đô thị trung tâm dịch vụ du lịch, có vai trò thúc đẩy tạo động lực cho sự phát triển du lịch ven núi, ven biển, phát triển các không gian công cộng ven biển;

- Diện tích khoảng 1117,6 ha;

- Dân số: 61,8 - 71,8 nghìn người;

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ phạm vi thị trấn Long Hải hiện nay;

- Định hướng phát triển Long Hải thành trung tâm du lịch có không gian

đô thị hướng biển gắn với các đô thị - khu đô thị dịch vụ chất lượng cao, sinh thái tự nhiên hỗ trợ tạo thành vùng đô thị thành phố Vũng Tàu trong tương lai. Là vùng sinh thái nghỉ dưỡng bờ biển Long Hải – Bình Châu - Phước Bửu, vì vậy khu vực này sẽ tập trung điều chỉnh và tăng cường các chức năng phát triển du lịch, tạo lập các không gian, quỹ đất giá trị thu hút các nhà đầu tư lớn đầu tư xây dựng, tập trung nâng cấp cải tạo các cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, cải tạo các khu dân cư, các công trình di tích tôn giáo có giá trị phục vụ du lịch;

c. Khu số 3: Khu đô thị Phước Tỉnh

- Tính chất: Là khu đô thị cải tạo và chỉnh trang, phát triển về lĩnh vực đánh bắt hải sản, du lịch;

- Diện tích khoảng 545 ha;

- Dân số: 41,4 - 51,4 nghìn người;

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ phạm vi xã Phước Tỉnh;

- Định hướng phát triển: tập trung cải tạo đô thị, chỉnh trang và mở rộng khu dân cư tái định cư, phát triển về lĩnh vực đánh bắt hải sản, du lịch, hoàn thiện chức năng trung tâm của đô thị; có truyền thống nghề cá lâu đời và đặc trưng nhất của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên cần ưu tiên cải tạo, nâng cấp hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, tăng cường các thiết kế đô thị như: cải tạo mặt tiền, trang trí, vẽ tranh,... và tạo các tuyến, đường đi bộ, tổ chức những trung tâm du lịch, thăm quan và khai thác dịch vụ mua bán sản phẩm từ thủy sản tại khu vực này.

d. Khu số 4: Khu đô thị Phước Hưng

- Tính chất: Là khu đô thị cải tạo và chỉnh trang, phát triển về lĩnh vực đánh bắt hải sản, du lịch.

- Diện tích khoảng 958,84 ha;

- Dân số: 35,3 - 45,3 nghìn người;

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ phạm vi xã Phước Hưng.

- Định hướng phát triển: là khu đô thị kết hợp với du lịch, tập trung cải tạo chỉnh trang đô thị, sử dụng những quỹ đất chưa được khai thác đưa vào danh mục kêu gọi đầu tư, bao gồm các chức năng chính: khu dân cư, khu tái định cư, khu du lịch, khu đô thị xây mới, cụm cảng dự kiến, mở rộng khu cảng cá kết hợp neo đậu tàu thuyền, khu thương mại, dịch vụ đô thị.

e. Khu số 5: Khu đô thị An Ngãi

- Tính chất: Là khu đô thị xây mới và cải tạo, chỉnh trang, phát triển về lĩnh vực công nghiệp, du lịch, đô thị sinh thái và vui chơi giải trí;

- Diện tích khoảng 1739,4 ha;

- Dân số: 12,7 – 22,7 nghìn người;

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ phạm vi xã An Ngãi;

- Định hướng phát triển: Khu vực phía Đông tỉnh lộ 44 là khu dân cư hiện

hữu cải tạo chỉnh trang và xây dựng mới, cụm công nghiệp và các nhà máy chế biến khí. Khu vực phía Tây tỉnh lộ 44A, phát triển đô thị sinh thái, mật độ thấp, hình thành chuỗi du lịch sinh thái – đô thị nghỉ dưỡng kết hợp vui chơi giải trí, bao gồm một phần thị trấn Long Điền, xã An Ngãi, tuy nhiên hiện trạng đang là khu vực trồng khai thác và sản xuất muối, cần chú ý đến yếu tố bảo tồn cảnh quan khu vực này.

f. Khu số 6 - khu phát triển theo mô hình nông thôn mới xã An Nhứt

- Tính chất: Là khu vực nông thôn, giữ gìn nghề truyền thống là canh tác nông nghiệp cung cấp cho đô thị và vùng lân cận; là khu vực dự trữ cho các nhu cầu phát triển đô thị đột biến sau giai đoạn 2035 đến năm 2040.

- Diện tích khoảng 598,27;

- Dân số: 7,5 nghìn người;

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ phạm vi xã An Nhứt;

- Là khu vực có nhiều quỹ đất bằng phẳng, phát triển hạ tầng nông thôn hoàn chỉnh, hình thành vùng nông thôn kiểu mẫu có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ gắn liền với khu sản xuất nông nghiệp văn minh hiện đại, cung cấp các sản phẩm nông nghiệp an toàn và có chất lượng cao cho người tiêu dùng.

g. Khu số 7 - khu phát triển theo mô hình nông thôn mới xã Tam Phước

- Tính chất: Là khu vực nông thôn, giữ gìn nghề truyền thống là canh tác nông nghiệp cung cấp cho đô thị và vùng lân cận;

- Diện tích khoảng 1.369,55;

- Dân số: 11,5 nghìn người;

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ phạm vi xã Tam Phước;

- Định hướng phát triển: Là khu vực có nhiều quỹ đất bằng phẳng, phát triển hạ tầng nông thôn hoàn chỉnh, hình thành vùng cảnh quan đa dạng ổn định môi trường, bổ sung các sản phẩm du lịch rừng nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch cho huyện Long Điền.

6.4. Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế

a. Thương mại – dịch vụ - du lịch

- Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ có hiệu quả kinh tế cao. Tổ chức, sắp xếp lại mạng lưới kinh doanh thương mại, chú trọng thị trường nông thôn và kinh tế biển để đáp ứng nhu cầu xã hội. Xây dựng, cải tạo chợ thị trấn Long Điền, Long Hải và nâng cấp các chợ trong các trung tâm xã để phục vụ buôn bán khắp nơi trong địa bàn huyện.

- Tập trung đầu tư các ngành hàng mà địa phương có được mang tính đặc thù như: Chế biến thủy hải sản đông lạnh xuất khẩu, thủ công mỹ nghệ, chế biến từ các nông sản... khai thác nuôi trồng sản xuất chế biến phục vụ nguồn nguyên liệu cho tỉnh xuất khẩu.

- Đẩy mạnh phát triển các loại hình du lịch có thể khai thác tốt như:

+ Du lịch tắm biển.

+ Du lịch nghỉ dưỡng, tham quan, khám chữa bệnh

+ Du lịch cuối tuần, (loại hình du lịch này rất thuận lợi vì gần các trung tâm công nghiệp, đô thị qui mô lớn trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam)

+ Du lịch thể thao (Leo núi, lướt ván, thuyền buồm...)

b. Công nghiệp – xây dựng

- Phát triển các cụm công nghiệp quy mô nhỏ để tạo điều kiện hỗ trợ phát triển công nghiệp – TTCN cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; khuyến khích và kêu gọi các nhà đầu tư của các thành phần kinh tế đầu tư công nghệ hiện đại, nâng cấp cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, bảo đảm khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu thị trường, từng bước di dời các cơ sở chế biến về các cụm công nghiệp tập trung.

- Tập trung phát triển các ngành có tiềm năng và thế mạnh như công nghiệp khí, chế biến, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp phục vụ đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, may mặc xuất khẩu, sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch v.v...

c. Nông – lâm – ngư nghiệp

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác...

- Thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao cho các sản phẩm cây trồng, vật nuôi có lợi thế so sánh; chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi.

- Tập trung triển khai và đẩy mạnh việc phát triển ngành thủy sản đồng thời gắn với phát triển công nghiệp chế biến và xuất khẩu cho phù hợp; tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ ngư nghiệp; hỗ trợ ngư dân đóng mới, nâng cấp tàu cá đánh bắt xa bờ; ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại trong khai thác, bảo quản sản phẩm

d. Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ sản xuất nông và ngư nghiệp

- Nghiên cứu, hình thành 01 trung tâm dịch vụ sản xuất, đề xuất thực hiện dự án Nuôi trồng thủy sản kết hợp dịch vụ - du lịch ven sông tại An Ngãi và 01 trung tâm hỗ trợ và phát triển sản xuất tại cụm công nghiệp Tam Phước, trên tuyến đường tỉnh lộ 44B

- Tiêu chí áp dụng: Gắn với hệ thống giao thông cấp vùng huyện, quốc gia; bến bãi, chợ đầu mối; giáp vùng sản xuất nông nghiệp.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội

7.1. Hệ thống cơ quan, công sở:

- Phát triển hệ thống cơ quan, công sở phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển không gian đô thị, đảm bảo bán kính phục vụ nhu cầu người dân đô thị trong tương lai.

- Các cơ quan hành chính cấp đơn vị ở được tổ chức, phân bổ đều trên cơ sở cơ quan hiện hữu và mở rộng đảm bảo bán kính phục vụ người dân đô thị theo từng đơn vị quản lý.

7.2. Hệ thống giáo dục đào tạo:

- Hình thành hệ thống giáo dục toàn diện và thống nhất, bao gồm từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu và đặc điểm kinh tế xã hội của đô thị.

- Thực hiện xã hội hoá công tác giáo dục, đa dạng hoá các hình thức và các nguồn vốn phát triển giáo dục và đào tạo, mở rộng hình thức giáo dục thường xuyên, phát triển các lớp bán công, dân lập, tư thục.

- Bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp với quy mô dân số và dự trữ cho các kế hoạch phát triển dài hạn.

- Nghiên cứu đầu tư xây dựng trung tâm hướng nghiệp dạy nghề đáp ứng nhu cầu phát triển và sử dụng lao động của huyện cũng như các khu vực lân cận, bao gồm các ngành nghề như: Cơ điện, cơ khí, mộc dân dụng, xây dựng, du lịch, đánh bắt và chế biến thủy hải sản, nữ công gia chánh ...

- Đào tạo nguồn lao động có nghề, tiếp cận được kinh tế thị trường, khoa học công nghệ mới, chú trọng lực lượng lao động quản trị kinh doanh, dịch vụ tài chính ngân hàng và lao động kỹ thuật, công nhân lành nghề trong công việc ...

7.3. Y tế:

- Tập trung củng cố tuyến y tế cơ sở (chú trọng vùng sâu vùng xa, vùng ven biển), nâng cấp một số trạm y tế ở các xã đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ.

- Mở rộng, phát triển ngành y tế theo hướng xã hội hoá. Xây dựng và phát triển hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe chất lượng cao. Tăng cường phối hợp với các bệnh viện lớn của trung ương, tỉnh để hình thành các bệnh viện vệ tinh; Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển hệ thống y tế tư nhân.

7.4. Văn hóa – TDTT

- Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin đại chúng, TDTT, và các phương tiện vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành thể thao. Hoàn chỉnh sân thể thao cơ bản (Bao gồm sân bóng đá, nhà thi đấu, khu tập, thi đấu thể thao) để phục vụ các loại hình thể dục thể thao như: bóng đá, bóng chuyền, các môn điền kinh khác...

7.5. Nhà ở

- Phát triển nhà ở đồng bộ theo các dự án đô thị mới, khu dân cư xây mới. Hình thành các cụm nhà ở xây mới phát triển đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và quy chế kiểm soát phát triển theo từng khu vực.

- Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc, xây dựng đối với nhà dân tự xây để kiểm soát tình trạng xây dựng tự phát, lộn xộn.

- Đầu tư phát triển quỹ nhà ở xã hội: Phát triển quỹ nhà ở chi phí thấp và nhà ở cho thuê, nhà ở cho học sinh, sinh viên, nhà ở chính sách. Xã hội hóa nhà ở xã hội.

7.6. Tái định cư cho các dự án trên địa bàn huyện trong giai đoạn đầu tư, xây dựng và phát triển lên đô thị:

Quá trình nghiên cứu lập điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đô thị Long Điền, cần nghiên cứu bố trí đủ quỹ đất để xây dựng các khu tái định cư tập trung phục vụ việc di dời, giải tỏa, phát triển đô thị trong thời gian tới.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

- Quy hoạch cao độ nền:

Đối với các khu vực sâu trong đất liền, chọn cao độ xây dựng dân dụng $\geq +2,5\text{m}$; cao độ xây dựng công nghiệp - kho tàng $\geq +3,15\text{m}$; cao độ xây dựng công viên, cây xanh, TĐTT $\geq +2,0$.

Đối với các khu vực ven biển, chọn cao độ xây dựng dân dụng $\geq +3,2\text{m}$; cao độ xây dựng công nghiệp - kho tàng $\geq +3,28\text{m}$; cao độ xây dựng công viên, cây xanh, TĐTT $\geq +2,0$.

- Quy hoạch thoát nước mặt: nước mưa cơ bản thoát theo địa hình tự nhiên và hướng dốc nền quy hoạch, theo nguyên lý: hồ điều hòa – kênh dẫn dòng – cống ngăn triều – đê, kè bao.

+ Long Điền được chia thành các lưu vực theo địa hình và các điều kiện tự nhiên để tổ chức hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước cho toàn đô thị.

+ Nguồn tiếp nhận thoát nước mưa là sông Cửa Lấp, biển và hồ điều hòa Bàu Thành,...

8.2. Quy hoạch giao thông

Định hướng phát triển hệ thống giao thông huyện Long Điền tuân thủ Quy hoạch tổng thể giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 27/02/2019. Hệ thống giao thông vùng huyện Long Điền xác định đầy đủ hệ thống đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã và đường nối với các khu vực sản xuất theo quy định.

h. Giao thông đối ngoại

- Giao thông đường bộ: Các trục chính như QL.55 (cả tuyến tránh), đường

tỉnh ĐT 994, đường ĐT 996B, đường 31 đảm bảo lộ giới và kỹ thuật cấp đường để đáp ứng lưu thông đối ngoại cho đô thị.

- Giao thông đường thủy: đối với cảng Phước Tỉnh không có khả năng mở rộng thì nâng cấp, cải tạo để tăng hiệu quả khai thác; đối với cảng Phước Hiệp, có thể nâng cấp, mở rộng để tăng khả năng tiếp nhận tàu thuyền.

- Đề xuất bố trí đường ray xe điện hai bên đường ĐT994 (Hương lộ 5) để phục vụ tuyến du lịch từ Vũng Tàu sang Long Điền.

b. Giao thông đô thị:

- Giao thông đường bộ: Cơ bản giữ nguyên cấu trúc mạng lưới đường trong khu vực nội đô. Tiếp tục đầu tư xây dựng các tuyến đường được phê duyệt theo đồ án quy hoạch chi tiết. Tùy tính chất và chức năng các tuyến đường, tính toán lộ giới phù hợp để đáp ứng tốt nhu cầu lưu thông trong đô thị.

- Giao thông đường thủy: tiếp tục nâng cấp, chỉnh trang các cảng Lò Vôi và cụm cảng khác để vận chuyển hàng hóa và du khách đi lại trong khu vực.

c. Các đầu mối giao thông:

Hệ thống đầu mối giao thông tuân thủ theo Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 17/5/2019; bố trí bổ sung bến phụ, bến đậu xe tải phục vụ nội bộ cho huyện.

d. Giao thông công cộng: Sẽ được cụ thể hóa trong các đề án, đồ án chuyên ngành.

8.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

a. Chỉ tiêu và nhu cầu dùng nước:

Bảng 7. Tổng hợp nhu cầu dùng nước

Stt	Hạng mục	Dân số 2030 (người)	Dân số 2040 (người)	Tiêu chuẩn	Nhu Cầu 2030 m3/ngày	Nhu cầu 2040 m3/ngày
1	Sinh hoạt dân cư đô thị	166,135	220,000	120	19,936	26,400
2	Sinh hoạt dân cư nông thôn	47,865	80,000	100	3,829	6,400
3	Công cộng - dịch vụ			10%	2,377	3,280
4	Khách du lịch	10,137	10,411	250	2,534	2,603
5	Công nghiệp tập trung	159 ha	159 ha	35	4,452	4,452
6	Tưới cây - rửa đường (đô thị)			8%	1,595	2,112
7	Dự phòng			15%	6,945	6,787
8	Tổng cộng				41,668	52,034
9	Lấy tròn				41,700	52,100

b. Nguồn và mạng lưới cấp nước

- Chọn nguồn nước mặt hồ Đá Đen và nước mặt hồ sông Ray cấp cho đô

thị Long Điền, Long Hải qua nhà máy cấp nước Bà Rịa công suất thiết kế 110.000 m³/ngày, đáp ứng nhu cầu dùng nước của huyện.

- Thiết kế và bố trí hệ thống ống cấp nước theo nguyên tắc mạch vòng để đảm bảo áp lực nước cấp đến các khu vực. Bố trí bổ sung các trạm bơm tăng áp phù hợp với nhu cầu và áp lực nước từng khu vực.

- Việc đầu tư và xác định quy mô các tuyến ống cấp nước sẽ được xem xét đề xuất cụ thể trong quá trình xây dựng và phát triển đô thị.

8.4. Quy hoạch thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang

a. Quy hoạch thoát nước thải

Bảng 8. Dự báo lưu lượng nước thải

St t	Hạng mục	Dân số 2030 (người)	Dân số 2040 (người)	Tiêu chuẩn	Nhu Cầu 2030 m ³ /ngày	Nhu cầu 2040 m ³ /ngày
1	Sinh hoạt dân cư đô thị	66,135	20,000	120	19,936	26,400
2	Sinh hoạt dân cư NT	47,865	80,000	100	3,829	6,400
3	Công cộng - dịch vụ			10%	2,377	3,280
4	Khách du lịch	10,137	10,411	250	2,534	2,603
5	Công nghiệp tập trung	159 ha	159 ha	35	4,452	4,452
6	Tổng cộng				33.128	43.135
7	Lưu lượng nước thải			80%	26.502,4	34.508
8	Lấy tròn				26.500	34.500

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng cho khu vực các đô thị, khu vực xã An Nhứt và Tam Phước sẽ dùng chung hệ thống thoát nước trong giai đoạn tới.

- Xây dựng 03 trạm xử lý nước thải phục vụ cho đô thị Long Điền, trạm 01 công suất Q=8.000 m³/ngày, diện tích 2ha, trạm 02 công suất Q=20.000 m³/ngày; trạm 03 công suất Q=8.000 m³/ngày.

- Nước thải từ nhà dân, các công trình công cộng phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thải ra cống gom. Sau đó, nước thải được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý theo tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- Các cụm công nghiệp, bệnh viện phải xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Xử lý theo đúng quy trình quy định của Bộ Tài nguyên Môi trường.

- Mạng lưới đường cống thoát nước thải đi dưới vỉa hè, sử dụng cống bê tông cốt thép D300 và D500.

b. Xử lý chất thải rắn, nghĩa trang

- Rác thải:

Bảng 9. Dự báo lượng chất thải rắn

Stt	Hạng mục	Dân số 2030 (người)	Dân số 2040 (người)	Tiêu chuẩn kg/ng.ng	Quy mô 2030 m3/ngày	Quy mô 2040 m3/ngày
1	Dân cư đô thị	166,135	220,000	1,0	166,20	220
2	Dân cư nông thôn	47,865	80,000	0,9	43	72
3	Khách du lịch	10,137	10,411	1,0	10,1	10,4
4	Công nghiệp tập trung	159 ha	159 ha	0.3 tấn	38	38
5	Tổng cộng				33.128	43.135

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn của tỉnh (dự kiến tại khu xử lý rác tại xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, diện tích quy hoạch khoảng 100ha).

+ Chất thải rắn các khu công nghiệp được thu gom vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn công nghiệp tại xã Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ.

+ CTR tại các trạm y tế xã và bệnh viện huyện được thu gom xử lý tại khu xử lý chất thải rắn xã Tóc Tiên.

- Nghĩa trang:

+ Đóng các nghĩa trang rải rác nhỏ lẻ, tập trung về khu nghĩa trang của Công ty Kim tơ đang hoạt động, và trong thời gian tới theo quy hoạch của huyện có bố trí bổ sung 01 nghĩa trang tập trung khoảng 50 ha ở xã Tam Phước, đảm bảo phục vụ cho người dân.

+ Khuyến khích người dân bỏ dần hình thức hung táng truyền thống, chuyển sang hình thức hỏa táng để giảm diện tích đất xây dựng và ô nhiễm môi trường.

8.5. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng:

Bảng 10. Tổng hợp phụ tải điện vùng huyện Long Điền

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	
			2030	2040
1	Công suất điện dân dụng	MW	61,80	133,88
2	Công suất điện công nghiệp	MW	28,00	28,00
3	Điện năng dân dụng	triệu kWh/năm	185,40	401,63
4	Điện năng công nghiệp	triệu kWh/năm	112,00	112,00
5	Hệ số đồng thời		0,70	0,70
6	Mức tổn hao và dự phòng	%	15	15
7	Tổng công suất điện yêu cầu	MW	67,13	121,00
8	Tổng điện năng yêu cầu	triệu kWh/năm	222,31	383,93

- Hiện nay huyện Long Điền được cấp điện từ trạm biến áp Long Điền 110/22kV-1x40MVA tại xã An Ngãi qua các tuyến 22kV đi trên các đường chính như ĐT 44A, QL 55, HL5, HL14... dự báo đến năm 2040 công suất cho huyện Long Điền khoảng 121MW do đó cần nâng cấp và xây dựng mới các trạm biến áp 110kV để cung cấp đủ điện cho toàn huyện Long Điền, dự kiến như sau:

+ Nâng công suất trạm 110kV Long Điền lên 2x40MVA (đến năm 2030) và đến đến năm 2040 nâng công suất trạm lên 2x63MVA.

+ Xây dựng mới trạm 110kV Long Điền 2 – 1x40MVA (đến năm 2030) và đến đến năm 2040 nâng công suất trạm lên 1x40+1x63MVA.

- Ngoài ra trên địa bàn huyện Long Điền theo quy hoạch quy hoạch phát triển và cải tạo lưới điện tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016– 2025 có xét đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt trên địa bàn huyện có xây dựng trạm biến áp trung gian 500kV Long Điền -2x600MVA để phân khối điện cho các huyện lân cận.

Một số nội dung khác liên quan đến hệ thống cấp điện, cần tuân thủ các quy hoạch chuyên ngành điện của tỉnh và trung ương để thực hiện trong quá trình phát triển đô thị đảm bảo đồng bộ trên địa bàn tỉnh.

8.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng thủy lợi:

Hiện nay, công tác kiên cố hóa kênh mương đạt tỷ lệ hơn 85%, tiêu chí về thủy lợi các khu vực như An Ngãi, An Nhứt, Tam Phước về cơ bản đảm bảo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn do đó, trong giai đoạn từ nay đến 2040 cần thực hiện:

- Xã An Ngãi: Kiên cố hóa và duy tu các kênh mương nội đồng là kênh đất, nội đồng phục vụ nhu cầu tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp.

- Xã An Nhứt: Trên địa bàn xã An Nhứt hiện có 13 đập dâng nước (trong đó có 8 đập dâng nước lớn); Kiên cố hóa và duy tu toàn bộ mương nội đồng đáp ứng tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp

- Xã Tam Phước: Kiên cố hóa và duy tu kênh mương nội đồng phục vụ nhu cầu tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp.

8.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Hệ thống thông tin liên lạc sẽ phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Việc quy hoạch và đầu tư do ngành Thông tin thực hiện đảm bảo phù hợp với nhu cầu của huyện.

9. Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư cho phát triển vùng trong giai đoạn tới liên quan đến công tác quy hoạch gồm:

9.1. Các dự án đầu tư công giai đoạn trung hạn từ 2020 – 2025 (Theo báo cáo số 7087/BC – UBND ngày 14/11/2019 - có bổ sung thêm)

1. Trường mầm non Phước Hưng 3;

2. Đường quy hoạch số 20 thị trấn Long Điền;
3. HTKT khu tái định cư số 2 xã Phước Tỉnh;
4. Nghĩa trang tập trung huyện Long Điền;
5. Đường quy hoạch trung tâm Hàng Dương và Quảng trường bãi tắm Hàng Dương Long Hải;
6. Đường QH số 15 thị trấn Long Hải;
7. Đường QH số 12 thị trấn Long Hải;
8. HTKT Khu tái định cư số 1 Phước Hưng (gồm khu dân cư và dịch vụ hậu cần thủy sản Lò Vôi + phần DT mở rộng về phía An Ngãi);
9. HTKT Khu tái định cư số 3 thị trấn Long Điền;
10. Đường QH số 16 thị trấn Long Hải;
11. HTKT Khu tái định cư số 2 TT.Long Hải (giai đoạn 1);
12. HTKT Khu tái định cư số 2 TT.Long Hải (giai đoạn 2);
13. HTKT Khu tái định cư số 2 xã Phước Hưng;
14. Các khu hỗ trợ sản xuất tại An Ngãi và An Nhứt là Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ sản xuất nông và ngư nghiệp.

Tổng kinh phí đầu tư dự kiến khoảng 4014,9 tỷ đồng .

9.2. Các dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn từ 2020 – 2025

1. Nâng cấp mở rộng cảng cá Tân Phước – Phước Tỉnh;
2. Nâng cấp mở rộng cảng Lò Vôi – Phước Hưng;
3. Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại Long Điền – TT. Long Điền;
4. Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại Lò Vôi – Phước Hưng;
5. Trung tâm dịch vụ du lịch, mua sắm Long Hải – TT Long Hải.

10. Giải pháp thực hiện quy hoạch

10.1. Giải pháp về cơ chế chính sách thu hút vốn, chuyển giao công nghệ:

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh;
- Xây dựng các chính sách ưu tiên, ưu đãi khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật nhằm tạo ra mạng lưới hạ tầng đồng bộ, liên thông phục vụ có hiệu quả cho các dự án phát triển kinh tế xã hội khác;
- Phát triển thị trường tài chính, tín dụng: Tạo điều kiện cho tất cả các ngân hàng, quỹ tín dụng trong và ngoài nước mở rộng hoạt động trên địa bàn;
- Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư;
- Khuyến khích áp dụng hình thức hợp tác công tư (mô hình PPP) để thu hút vốn đầu tư từ doanh nghiệp để đầu tư phát triển đô thị. Đa dạng hóa các nguồn vốn, như vốn huy động từ ngân sách nhà nước(của TW, địa phương), trái

phiếu Chính phủ, hợp tác nhà nước và tư nhân (PPP),..

10.2. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ và phát triển nông thôn:

- Đầu tư mở rộng các tuyến đường giao thông theo quy hoạch, đảm bảo có 100% tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn;
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thủy lợi liên xã và từng xã, đảm bảo điều tiết nước phục vụ cho sản xuất của người dân.
- Tiếp tục rà soát, kiểm tra mức độ an toàn lưới điện nhằm sửa chữa, khắc phục kịp thời, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất; duy trì, nâng cao chất lượng .

10.3. Thu hút nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Có chính sách thu hút nhân lực, đặc biệt là các chuyên gia ưu tú trong và ngoài nước về các lĩnh vực chuyên sâu có liên quan đến các nội dung trọng yếu của xây dựng huyện nông thôn mới
- Đẩy mạnh việc xã hội hoá giáo dục đào tạo, huy động nguồn lực đầu tư của các nhà đầu tư.
- Hỗ trợ các doanh nghiệp để thực hiện đào tạo lại

10.4. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp:

- Về khai thác hải sản: Tận dụng thế mạnh là trung tâm hậu cần nghề cá lớn của miền đông nam bộ đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ, viễn dương trên cơ sở xây dựng đội tàu hiện đại gắn khai thác với dịch vụ hậu cần trên biển của tỉnh và của vùng;
- Về nuôi trồng hải sản: cần đẩy mạnh khai thác tiềm năng mặt nước để phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn trên sông Cỏ May, sông Cửa Lấp.
- Về hậu cần, dịch vụ nghề cá trên biển: Tổ chức mô hình liên kết giữa khai thác và dịch vụ hậu cần nghề cá; liên kết giữa khai thác và tìm kiếm cứu nạn trên biển
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái ít sử dụng đất làm hậu cần cho ngành du lịch, đô thị và kinh tế biển;
- Nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản đối với các nông sản chủ lực của huyện như lúa (xã An Nhứt), trứng vịt (xã Tam Phước) và các sản phẩm hải sản (xã Phước Hưng, Phước Tỉnh); từng bước hình thành vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao; sản phẩm sản xuất ra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; các khâu sản xuất được cơ giới hóa đồng bộ; tạo sự liên kết chặt chẽ từ khâu chế biến đến tiêu thụ
- Tiếp tục thực hiện bảo vệ, phát triển nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, cảnh quan , tạo cảnh quan môi trường, thu hút phát triển kinh tế dịch vụ và du lịch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra, ký xác nhận thuyết minh, bản vẽ đồ án và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2035, định hướng đến năm 2040 theo đúng quy định, phù hợp với nội dung Quyết định này.

2. Giao UBND huyện Long Điền phối hợp Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch đô thị theo quy định; ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch được phê duyệt; tổ chức cắm mốc giới ngoài thực địa theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Long Điền và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định. / *Hung*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, TH, *TR2, TH5*

(5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KĐ CHỦ TỊCH *mmh*
PHÓ CHỦ TỊCH*Lê Tuấn Quốc*
Lê Tuấn Quốc